

TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 42 /2021/DS-ST

Ngày 16-9-2021.

V/v “*Tranh chấp Cung ứng*

Dịch vụ thanh toán qua tài khoản
- thẻ Ngân hàng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Đức Hoàng.**

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Thanh Trà.**

2. Ông **Huỳnh Tiễn.**

Thư ký phiên tòa: **Bà Ngô Thị Hữu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 16.9.2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 79/2021/TLST-DS ngày 28/6/2021 về việc “*Tranh chấp Cung ứng Dịch vụ thanh toán qua tài khoản- thẻ Ngân hàng*.” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-DS ngày 16/7/2021, thông báo mở lại phiên tòa số 79 ngày 03/9/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Trụ sở: 266 – 268 N, phường N, quận N, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N– Chuyên viên quản lý nợ ; (Theo văn bản ủy quyền số 147/2021 ngày 01/06/2021) (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Châu Văn T - Sinh năm 1993; Địa chỉ: 54 Nguyễn D, phường Thạch T, quận H, thành phố Đ (Có đơn xét xử vắng mặt) .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2021 và lời khai trong quá trình tố tụng, của đại diện nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Sài Gòn T ông Nguyễn Văn N trình bày:

- Ngày 01/04/2019, Ông Châu Văn Toàn ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (gọi tắt là ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của ông Toàn, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000đồng với mục đích: tiêu dùng cá nhân; lãi suất trong hạn là

2,15 %/tháng, lãi suất quá hạn 3,225 %/tháng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện 14 giao dịch với số tiền: 193.584.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho ngân hàng số tiền: 166.481.320 đồng.

Đến tháng 08/2020 ông Toàn vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng vẫn không có thiện chí trả nợ (quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 23/11/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 35.066.570đ (bao gồm số tiền khách hàng đã giao dịch 29.870.993 đồng + phí trễ hạn 867.715 đồng , lãi 4.082.408 đồng, phí vượt 245.454 đồng sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 16/9/2021, ông Châu Văn T còn nợ ngân hàng các khoản sau:

Dư nợ : 35.066.570 đồng;

Lãi quá hạn : 13.584.926 đồng;

Tổng cộng : 48.651.496 đồng.

(bằng chữ: Bốn mươi tám triệu, sáu trăm năm mươi một ngàn, bốn trăm chín mươi sáu đồng) và tiếp tục trả lãi cho đến khi thu hồi được nợ.

Do vậy Ngân hàng TMCP Sài Gòn T kính đề nghị Tòa án tuyên buộc ông Châu Văn T phải thanh toán nợ vay cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền nêu trên.

- **Đối với bị đơn ông Châu Văn T:** Tại hồ sơ vụ án ông Châu Văn T trình bày: ông thống nhất với lời trình bày của đại diện Ngân hàng; do tình hình dịch bệnh dẫn đến khó khăn, nên ông xin trả tiền gốc khoản 30 triệu và đề nghị Ngân hàng miễn tính các khoản phí và lãi, số tiền trên trả vào tháng 11/2021. Ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng :

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Ông Châu Văn T; Địa chỉ: Địa chỉ: 54 Nguyễn D, phường T, quận H, thành phố Đ nên vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Hải Châu (Tòa án nơi bị đơn cư trú) thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự (“*Tranh chấp Cung ứng Dịch vụ thanh toán qua tài khoản- thẻ Ngân hàng*”) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 15 Điều 4 luật các tổ chức tín dụng Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là ông Châu Văn T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông Toàn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TĐược ký kết với ông Châu Văn T vào ngày 01/04/2019 là giao dịch dân sự, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự phù hợp với các điều 116, 117, 119 của Bộ luật dân sự 2015; nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch.

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng trên là hợp đồng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản là thẻ ngân hàng, thanh toán không thông qua tiền mặt, Ngân hàng cấp cho ông T thẻ với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 2,15 %/tháng, lãi quá hạn 3,225 %/tháng.

Trong quá trình sử dụng thẻ bị đơn ông Toàn sử dụng tổng cộng 14 giao dịch số tiền là 193.584.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho ngân hàng số tiền: 166.481.320 đồng.

Từ tháng 08/2020 ông T chậm thanh toán. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng bị đơn ông T vẫn không thanh toán cho Ngân hàng và đến ngày 23/11/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với bị đơn ông Châu Văn T.

Như vậy, do bị đơn Châu Văn T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng mà ông đã ký với ngân hàng. Do đó HĐXX căn cứ khoản 15 Điều 4, Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng và căn cứ vào Điều 2 và Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng; nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng buộc bị đơn ông Châu Văn T phải trả cho Ngân hàng số tiền :

Tính đến ngày 16/9/2021, ông Châu Văn T còn nợ ngân hàng các khoản sau:

Dư nợ : 35.066.570 đồng;

Lãi quá hạn : 13. 584.926 đồng;

Tổng cộng : 48.651.496 đồng.

(bằng chữ: Bốn mươi tám triệu, sáu trăm năm mươi một ngàn, bốn trăm chín mươi sáu đồng) và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng cho đến khi thu hồi được nợ.

[2.2]. Đối với bị đơn ông Châu Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Toàn có đơn trình bày và tham gia phiên hòa giải ông đề nghị Ngân hàng cho ông trả số tiền gốc vào tháng 11/2021 và các khoản khác xin miễn nhưng ngân hàng không đồng ý; Do vậy, HĐXX xét thấy không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn ông Châu Văn T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 15 Điều 4, 91, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;
- Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dung tiền mặt.
- Áp dụng các điều 116, 117, 119 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 228; Điều 266, Điều 269 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đối với ông Châu Văn T.

Xử: Buộc ông **Châu Văn T** phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền là 48.651.496 đồng (bằng chữ: Bốn mươi tám triệu, sáu trăm năm mươi một ngàn, bốn trăm chín mươi sáu đồng); (Trong đó dư nợ: 35.066.570 đồng, nợ lãi quá hạn: 13.584.926 đồng, lãi tạm tính đến ngày 16/09/2021) và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký ngày 01/04/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Lãi tiếp tục tính từ ngày 17/9/2021 trên số nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) đã ký vào ngày 01/04/2019 trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi ông Châu Văn T thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp, trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kì của Ngân hàng cho vay thì lãi suất của khách hàng vay tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 2.432.575 đồng (*Hai triệu bốn trăm ba hai ngàn năm trăm bảy mươi lăm đồng*) ông Châu Văn T phải chịu. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.094.000 đồng (*Một triệu không trăm chín mươi bốn ngàn đồng*) theo biên lai thu số 5546 ngày 25/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

NGUYỄN ĐỨC HOÀNG

